

Bản án số: 88/2019/HSST

Ngày: 30/7/2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Viết Hoàng Lâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Lê Nguyên Khánh

Nghề nghiệp: Công chức

Nơi công tác: Ủy ban nhân dân phường P, quận Tân Phú

2/ Bà Trần Thị Thu Hiền

Nghề nghiệp: Giáo viên

Nơi công tác: Hiệu phó trường tiểu học H, quận Tân Phú

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 78/2019/HSST ngày 18 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Tổng Phi H; sinh năm: 1992, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: Không biết chữ; giới tính: nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tổng Văn Q, sinh năm 1960 và bà Phạm Hồng H, sinh năm 1960; vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: Ngày 24/8/2012 bị Tòa án nhân dân quận B, xử phạt 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 11/9/2014; ngày 29/12/2015 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/7/2018; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày: 21/2/2019 – Có mặt.

2/ Nguyễn Văn Anh T (Tên gọi khác: M); sinh ngày: 16/4/2002, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam;

con ông: Không rõ và bà Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1976; vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày: 21/2/2019 – Có mặt

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo T: Bà Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1976; trú tại: Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh – Là mẹ ruột của bị cáo (Có mặt)

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo T: Luật sư Tạ Thanh P – Là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

- Bị hại: Anh Nguyễn Duy V, sinh năm: 1984; trú tại: phường T, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1960; trú tại: Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiêu xài nên Nguyễn Văn Anh T gọi điện thoại rủ Tống Phi H đi cướp giật tài sản. H đồng ý. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 20/02/2019 H điều khiển xe gắn máy biển số 52L9-8555 chở T đi lòng vòng qua nhiều tuyến đường tìm tài sản để cướp giật. Đến khoảng 20 giờ 30 phút, khi đến trước nhà số K, phường P, quận Tân Phú, T phát hiện anh Nguyễn Duy V đang ngồi trong xe ô tô ở vị trí tài xế, cửa kính xe mở, hai tay sử dụng điện thoại di động hiệu Oppo nên chỉ cho H thấy và rủ cướp giật. H đồng ý, liền quay đầu xe dừng phía sau xe của anh V khoảng 10 mét để quan sát rồi điều khiển xe gắn máy chạy lên từ phía sau, áp sát bên trái xe ô tô để T ngồi sau dùng tay phải giật được chiếc điện thoại di động trên rồi tăng ga bỏ chạy. Lúc này, anh Nguyễn Đức H và Lê Ngọc P chứng kiến sự việc liền truy hô và đuổi theo đến trước số B, phường S, Quận N thì bắt giữ được H và T cùng tang vật giao Công an phường xử lý.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn Anh T và Tống Phi H đã khai nhận hành vi phạm tội như trên

Theo bản kết luận định giá tài sản số 105/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 05/4/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự quận Tân Phú, 01 điện thoại di động hiệu Oppo A51 trị giá 1.200.000 đồng.

Vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo A51 là tài sản bị chiếm đoạt. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Duy V và anh V không yêu cầu bồi thường gì khác.

- 01 xe gắn máy loại Wave biển số 52L9-8555, số máy: chưa xác định, số khung: LLKXCG021LX là phương tiện phạm tội.

Xác minh biển số 52L9-8555 do bà Phạm Thị T ngụ tại phường G, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh đứng tên sở hữu. Qua làm việc bà T đã bán xe trên cho một người (chưa rõ lai lịch) vào năm 2014 và không làm thủ tục sang tên;

Tiến hành giám định số khung, số máy tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh cho kết quả: Số khung không thay đổi, số máy bị mài mất số, không xác định được số nguyên thủy.

Quá trình điều tra, H khai nhận: Xe gắn máy biển số 52L9-8555 nhận cầm của một người thanh niên tên T (chưa rõ lai lịch) ở tiệm game bắn cá trên đường P, phường G, Quận H với giá 800.000 đồng;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số Imei 356002086725286, H dùng liên lạc đi cướp giật tài sản;

- 01 áo sơ mi dài tay sọc vuông màu trắng đen, quần Jean dài màu xanh bạc, là trang phục H mặc khi thực hiện hành vi phạm tội;

- 01 áo thun ngắn tay màu trắng, quần Jean dài màu xanh, là trang phục H mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 84/CT-VKSQ.TP ngày 17 tháng 6 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú đã truy tố bị cáo Tống Phi H về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d; điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015. Truy tố bị cáo Nguyễn Văn Anh T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên Tòa:

- Sau khi kết thúc phần thủ tục xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa, phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Áp dụng điểm d; điểm i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Tống Phi H từ 04 năm đến 05 năm tù.

- + Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Anh T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý phân trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng.

- Các bị cáo Tống Phi H, Nguyễn Văn Anh T đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung vụ án được tóm tắt như trên, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo T có ý kiến trình bày về điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, thiếu sự quan tâm chăm sóc, giáo dục của cha mẹ, người đại diện hợp pháp cho bị cáo không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, sau khi bị cáo chấp hành xong hình phạt sẽ quan tâm chăm sóc, giáo dục bị cáo nhiều hơn để bị cáo làm người có ích cho gia đình và xã hội.

- Người bào chữa cho bị cáo T, Luật sư Tạ Thanh P có ý kiến bào chữa như sau:

Thông nhất về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, theo Luật sư bị cáo T không phạm tội theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự mà phạm tội theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Bởi lẽ, khi các bị cáo tiếp cận người bị hại thì người bị hại đang ngồi trong xe ô tô và xe ô tô dừng lại chứ không có tham gia giao thông, vì vậy theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 thì tình tiết “Dùng thủ đoạn nguy hiểm khác” là thuộc trường hợp người bị hại đang đi xe mô tô, xe máy... Từ đó Luật sư cho rằng bị cáo T chỉ phạm tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ sau: Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo không rõ cha mình là ai, mẹ bị cáo đã tái hôn, hiện không sống cùng bị cáo nên bị cáo thiếu sự quan tâm giáo dục của cha mẹ, bị cáo có trình độ học vấn thấp, khi phạm tội là người chưa thành niên, chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị và cho bị cáo hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát quận Tân Phú có ý kiến tranh luận như sau:

Không thống nhất với quan điểm của Luật sư về việc bị cáo T phạm tội theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự, vì theo Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 thì tình tiết “Dùng thủ đoạn nguy hiểm khác” không chỉ là trường hợp người bị hại đang đi xe mô tô, xe máy... mà người phạm tội dùng các thủ đoạn gây nguy hiểm đến tính mạng của người bị hại hoặc của người khác để cướp giật tài sản như dùng xe mô tô, xe gắn máy... là thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn Anh T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Về ý kiến của Luật sư đề nghị áp dụng Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo T hưởng án treo, đại diện Viện kiểm sát không đồng ý vì bị cáo T giữ vai trò chủ mưu, là người rủ rê, xúi giục bị cáo H phạm tội. Căn cứ theo Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì bị cáo T thuộc trường hợp không được hưởng án treo. Riêng về đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Điều tra viên, Kiểm sát viên, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã

thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua ý kiến tranh luận giữa đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến tranh luận của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với các qui định pháp luật nên chấp nhận. Riêng đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T, Hội đồng xét xử không chấp nhận vì không có cơ sở.

[3] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đã có đủ cơ sở để xác định:

Do cần tiền tiêu xài nên Nguyễn Văn Anh T gọi điện thoại rủ Tống Phi H đi cướp giật tài sản. khoảng 18 giờ 30 phút ngày 20/02/2019 H điều khiển xe gắn máy biển số 52L9 – 8555 chở T đi lòng vòng qua nhiều tuyến đường tìm tài sản cướp giật. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày khi đến trước nhà số K, phường P, quận Tân Phú, T phát hiện anh Nguyễn Duy V đang ngồi trong xe ô tô ở vị trí tài xế, cửa kính xe mở, hai tay sử dụng điện thoại di động hiệu Oppo nên chỉ cho H thấy, H điều khiển xe gắn máy chạy lên từ phía sau, áp sát vào bên trái xe ô tô để Tiến ngồi sau dùng tay phải giật chiếc điện thoại di động trên rồi tăng ga bỏ chạy thì bị quần chúng nhân dân truy đuổi bắt giữ cùng tang vật giao công an xử lý.

Vì vậy đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Tống Phi H, Nguyễn Văn Anh T phạm tội “Cướp giật tài sản”, như bản cáo trạng đã truy tố. Do các bị cáo sử dụng xe gắn máy làm phương tiện để cướp giật tài sản của người bị hại, có thể gây nguy hiểm đến tính mạng sức khỏe của người bị hại cũng như của những người khác đang tham gia giao thông, đây là trường hợp dùng thủ đoạn phạm tội nguy hiểm, nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú truy tố các bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có cơ sở, đúng pháp luật. Ngoài ra, vào ngày 24/8/2012 bị cáo Tống Phi H bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đến ngày 29/12/2015 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 12/7/2018, bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú truy tố bị cáo Tống Phi H theo điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Bản thân các bị cáo nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người

khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài một cách dễ dàng nhưng không muốn bỏ công sức lao động nên các bị cáo đã cố ý phạm tội. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách táo bạo và liều lĩnh, lợi dụng sơ hở của người bị hại, đã dùng phương tiện xe gắn máy công khai cướp giật, chiếm đoạt tài sản sau đó nhanh chóng tẩu thoát ngay trên đường phố nơi có đông người, chứng tỏ ý thức xem thường pháp luật của các bị cáo.

[5] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, bị cáo T là người gợi ý, rủ bị cáo H phạm tội, là người phát hiện ra bị hại và trực tiếp giật tài sản, bị cáo H là người điều khiển xe chở T cướp giật tài sản, là người giữ vai trò giúp sức tích cực.

[6] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án tương xứng, mới có tác dụng răn đe giáo dục đối với từng bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, cũng xem xét các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, khi phạm tội bị cáo T là người dưới 18 tuổi nên áp dụng các Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo khi lượng hình.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là điện thoại di động hiệu Oppo A51, cơ quan điều tra đã thu hồi trả cho người bị hại, anh Nguyễn Duy V đã nhận lại và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo A5, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Duy V nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

- 01 xe gắn máy loại Wave biển số 52L9-8555, số máy: bị mài mất số, số khung: LLKXCG021LX – 003965 là phương tiện phạm tội. Qua kết quả điều tra xác định xe mang biển số 52L9-8555 do bà Phạm Thị T đứng tên sở hữu, bà T đã bán xe trên cho một người chưa rõ lai lịch vào năm 2014 và không làm thủ tục sang tên. Bị cáo H khai nhận cầm của một người thanh niên tên T (chưa rõ lai lịch) ở tiệm game bắn cá trên đường P, phường G, Quận H với giá 800.000 đồng. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người quản lý sử dụng chiếc xe gắn máy loại Wave biển số 52L9-8555, số máy: bị mài mất số, số khung: LLKXCG021LX – 003965, giao cho Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong hạn 06 tháng để tìm người quản lý sử dụng hợp pháp nếu không tìm được thì tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo qui định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số Imei 356002086725286, H dùng liên lạc đi cướp giật tài sản, đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 áo sơ mi dài tay sọc vuông màu trắng đen, quần Jean dài màu xanh bạc, thu giữ của bị cáo H, 01 áo thun ngắn tay màu trắng, quần Jean dài màu

xanh thu giữ của bị cáo T, tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy theo qui định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

[1] Tuyên bố các bị cáo Tống Phi H, Nguyễn Văn Anh T phạm tội: "Cướp giật tài sản"

[2] Căn cứ vào:

- Điểm d; điểm i khoản 2 Điều 171; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Tống Phi H 05 (Năm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 21 tháng 02 năm 2019.

- Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Anh T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 21 tháng 02 năm 2019.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Giao cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong hạn 06 tháng để tìm người quản lý sử dụng hợp pháp chiếc xe gắn máy mang biển số 52L9-8555, số máy: bị mài mất số, số khung: LLKXCG021LX – 003965, nếu không tìm được thì tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia có số Imei 356002086725286.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) áo sơ mi dài tay sọc vuông màu trắng đen, quần Jean dài màu xanh bạc, thu giữ của bị cáo H, 01 (Một) áo thun ngắn tay màu trắng, quần Jean dài màu xanh thu giữ của bị cáo T.

(Vật chứng đang nhập kho theo Phiếu nhập nhập kho vật chứng số 102/PNK ngày 01/3/2019 của Công an quận Tân Phú)

[5] Buộc các bị cáo Tống Phi H, Nguyễn Văn Anh T, mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Các bị cáo; người đại diện hợp pháp, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- Bị cáo
- Người tham gia tố tụng khác.
- VKS Q.Tân Phú.
- THA quận Tân Phú.
- Công an Q.Tân Phú
- Công an TP.HCM
- Sở Tư pháp TP.HCM
- Lưu hồ sơ

**Lê Viết Hoàng Lâm**